

**NGHỊ QUYẾT**

Về một số chính sách hỗ trợ trong xây dựng nông thôn mới  
trên địa bàn tỉnh Nghệ An, giai đoạn 2021-2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN  
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 17**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước;

Thực hiện Nghị quyết số 100/2019/QH14 ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội về hoạt động chất vấn tại kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XIV, yêu cầu xây dựng và triển khai Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện Kết luận số 54-KL/TW ngày 07 tháng 8 năm 2019 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Xét Tờ trình số 8238/TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

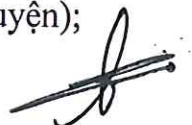
**1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định một số chính sách hỗ trợ và thưởng trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025.

**2. Đối tượng áp dụng**

a) Các huyện, thành phố, thị xã (Sau đây gọi chung là đơn vị cấp huyện);

b) Các xã;



c) Các thôn, xóm, bản thuộc xã khu vực III miền núi và các thôn, xóm, bản thuộc 27 xã khu vực biên giới được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt danh sách đăng ký, cam kết đạt chuẩn nông thôn mới (không hỗ trợ các thôn, xóm, bản thuộc xã đăng ký, cam kết đạt chuẩn nông thôn mới);

d) Các hộ gia đình trên địa bàn tỉnh được Ủy ban nhân dân cấp huyện công nhận vườn đạt chuẩn nông thôn mới.

## **Điều 2. Nguyên tắc thực hiện**

1. Đảm bảo kịp thời, công khai, minh bạch, công bằng và đúng đối tượng trong quá trình thực hiện.

2. Chính sách hỗ trợ xi măng được hỗ trợ một lần cho các địa phương khi đủ các điều kiện.

3. Chính sách thưởng được thưởng một lần cho các địa phương, hộ gia đình khi đủ các điều kiện.

## **Điều 3. Chính sách hỗ trợ xi măng làm đường giao thông nông thôn**

1. Đối với đơn vị cấp huyện

a) Xây dựng nông thôn mới

Các địa phương cấp huyện đủ điều kiện: Mức hỗ trợ 5.000 tấn xi măng PCB40/đơn vị.

b) Xây dựng nông thôn mới nâng cao

Các địa phương cấp huyện đủ điều kiện: Mức hỗ trợ 7.000 tấn xi măng PCB40/đơn vị.

2. Đối với xã

a) Xây dựng nông thôn mới

- Các xã thuộc 10 huyện miền núi, gồm: Kỳ Sơn, Tương Dương, Con Cuông, Quế Phong, Quỳnh Châu, Quỳnh Hợp, Tân Kỳ, Anh Sơn, Thanh Chương và Nghĩa Đàn: mức hỗ trợ 2.800 tấn xi măng PCB40/xã.

- Các xã thuộc các huyện còn lại: Mức hỗ trợ 2.000 tấn xi măng PCB40/xã.

b) Xây dựng nông thôn mới nâng cao: Mức hỗ trợ 1.000 tấn xi măng PCB40/xã.

3. Đối với thôn, xóm, bản thuộc xã khu vực III miền núi và các thôn, xóm, bản thuộc 27 xã biên giới đăng ký, cam kết tham gia xây dựng thôn, xóm, bản đạt chuẩn nông thôn mới: mức hỗ trợ 150 tấn xi măng PCB40/ thôn, xóm, bản.

4. Điều kiện, thời điểm hỗ trợ và thời điểm giao nhận

a) Điều kiện hỗ trợ



Các đơn vị cấp huyện, các xã đăng ký, cam kết hoàn thành nhiệm vụ/đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hoặc không đăng ký, cam kết, nhưng hoàn thành nhiệm vụ/đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao được cấp có thẩm quyền công nhận; đối với thôn, xóm, bản phải được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt trong kế hoạch Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

b) Thời điểm hỗ trợ

- Đối với đơn vị cấp huyện, các xã: Sau khi có Quyết định phê duyệt danh sách đăng ký, cam kết hoàn thành nhiệm vụ/đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao của Ủy ban nhân dân tỉnh (trong năm kế hoạch).

Trường hợp các đơn vị cấp huyện, các xã không đăng ký, cam kết, nhưng hoàn thành nhiệm vụ/đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao: Được hỗ trợ sau khi có Quyết định công nhận của cấp có thẩm quyền.

- Đối với thôn, xóm, bản: Sau khi có Quyết định phê duyệt danh sách đăng ký, cam kết đạt chuẩn nông thôn mới của Ủy ban nhân dân cấp huyện (trong kế hoạch Ủy ban nhân dân tỉnh giao).

c) Địa điểm giao nhận

- Trung tâm huyện (đối với đơn vị cấp huyện).

- Trung tâm xã (đối với xã, các thôn, xóm, bản).

**Điều 4. Chính sách thưởng trong xây dựng nông thôn mới**

1. Các đơn vị cấp huyện

a) Thị xã hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới: Thưởng 1.500 triệu đồng/thị xã để xây dựng công trình phúc lợi.

b) Huyện đạt chuẩn nông thôn mới: Thưởng 2.000 triệu đồng/huyện để xây dựng công trình phúc lợi.

c) Đơn vị cấp huyện hoàn thành nhiệm vụ/đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: Thưởng 3.000 triệu đồng/đơn vị cấp huyện để xây dựng công trình phúc lợi.

d) Đơn vị cấp huyện hoàn thành nhiệm vụ/đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu: Thưởng 4.000 triệu đồng/đơn vị cấp huyện để xây dựng công trình phúc lợi.

2. Các xã

a) Đạt chuẩn nông thôn mới: Thưởng 500 triệu đồng/xã để xây dựng công trình phúc lợi (do xã làm Chủ đầu tư).

b) Đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: Thưởng 600 triệu đồng/xã để xây dựng công trình phúc lợi (do xã làm Chủ đầu tư).

c) Đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu: Thưởng 700 triệu đồng/xã để xây dựng công trình phúc lợi (do xã làm Chủ đầu tư).

3. Các Vườn chuẩn nông thôn mới



Thưởng 15 triệu đồng/vườn cho hộ gia đình có vườn đạt chuẩn nông thôn mới.

#### 4. Điều kiện và thời điểm thưởng

- Sau khi có Quyết định công nhận của Thủ tướng Chính phủ đối với đơn vị cấp huyện hoàn thành nhiệm vụ/đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu;
- Sau khi có Quyết định công nhận của Ủy ban nhân dân tỉnh đối với các xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu;
- Sau khi có Quyết định công nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với vườn đạt chuẩn nông thôn mới.

**Điều 5. Kinh phí thực hiện:** Ngân sách tỉnh đảm bảo, được bố trí trong dự toán hàng năm.

#### Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

#### Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An khoá XVII, kỳ họp thứ 17 thông qua ngày 13 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

2. Bãi bỏ Nghị quyết số 166/2015/NQ-HĐND ngày 10/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách khuyến khích hỗ trợ trong xây dựng Nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2015-2020./.

#### Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (để b/c);
- Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Tài chính (để b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp (để k/t);
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục thi hành án dân sự tỉnh;
- Các Sở, Ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website: <http://dbndnghean.vn>;
- Lưu: VT



**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Xuân Sơn**